

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày: 28-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Trần Đình Phần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST, ngày 08/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/HSST - QĐ ngày 08/12/2017 đối với bị cáo:

Mai Văn C, sinh năm 1973 tại xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 3, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mai Văn Thiệu và bà Vũ Thị Vi; gia đình có 8 anh em, bị cáo là con thứ tám; có vợ là chị Lương Thị Nhiêm, đã sống ly thân; có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999;

Nhân thân: Ngày 5/6/1991, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Giết người”, 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; tổng hợp hình phạt 30 tháng tù. Ngày 11/11/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Tiền án: Ngày 21/12/2001, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 20 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, thi hành xong hình phạt tù từ tháng 5/2016

Tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/9/2017 đến ngày 14/9/2017 chuyển tạm giam đến nay; có mặt.

- Người bị hại: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 3, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 1 giờ ngày 25/8/2017, do trước đó quan sát thấy nhà anh Mai Văn Đ không khóa cửa phòng tum lên sân thượng, Mai Văn C đã đột nhập vào trong nhà mục đích trộm cắp tài sản. Mai Văn C mở 2 cánh cửa tủ đứng phát hiện có chiếc hộp bằng gỗ, đã mở hộp lấy 3 nhẫn tròn vàng 9999 và 01 hộp giấy vuông. Sau đó, Mai Văn C lên mái nhà mở hộp giấy lấy 02 tròn nhẫn “vàng tây”, rồi vứt hộp xuống đất sau đó đi theo lối cũ về. Khoảng 6 giờ cùng ngày, Mai Văn C mang số vàng bán được 11.486.000 đồng sau đó bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh chi tiêu hết số tiền trên. Số vàng hiện không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: 03 nhẫn tròn trị giá: 10.470.000 đồng; 02 nhẫn tròn “vàng tây” 10K trị giá: 1.000.000 đồng; tổng trị giá: 11.470.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Mai Văn Đ yêu cầu Mai Văn C bồi thường cho anh số tiền 11.486.000 đồng mà Mai Văn C bán tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 07/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Mai Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trong Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố Mai Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung; buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 11.486.000 cho người bị hại.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như lời khai của người bị hại, Kết luận định giá tài sản bị trộm cắp; từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/8/2017, bị cáo Mai Văn C đã lén lút chiếm đoạt 03 nhẫn vàng loại 9999, 02 nhẫn “vàng tây” 10K của anh Mai Văn Đ, tổng trị giá: 11.470.000 đồng. Như vậy, đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đối với bị cáo.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý bất an cho nhân dân tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết tội và chấp hành hình tù, nhưng tiếp tục không chịu tu dưỡng, lao động kiếm sống, đã coi thường pháp luật, cố ý đột nhập vào nhà người khác để chiếm đoạt tài sản

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, hối lỗi về việc làm của mình nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt.

[5] Về việc áp dụng hình phạt chính: Xét cần phải xử lý nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng ở mức cao so với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung

[6] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của anh Mai Văn Đ là có căn cứ, nên buộc Mai Văn C bồi thường cho anh Mai Văn Đ số tiền 11.486.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án: 01 chiếc hộp giấy là tài sản của gia đình anh Mai Văn Đ, anh Mai Văn Đ không đề nghị nhận lại, xét tài sản này không còn giá trị sử dụng nên cho tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Mai Văn C là người bị kết án và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
2. Căn cứ: khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Mai Văn C 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/9/2017.
3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy (Chi tiết theo Biên bản giao

nhận vật chứng số 14/CCTHA ngày 27/12/2017 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, buộc bị cáo Mai Văn C bồi thường số tiền 11.486.000đ (mười một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng) cho anh Mai Văn Đ.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên bố kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a và điểm c Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Mai Văn C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 574.000đ (năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã A;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên